

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC KẠN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2025/ HNGĐ - ST

Ngày 06/01/2025

“V/v Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC KẠN, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt Thu.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hứa Đình Hiên;

2. Ông Đỗ Trung Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thoan – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà Bàn Thị Tiên – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2025 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 09/2024/TLST-HNGĐ ngày 14/10/2024 về việc “*Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/QĐST-HNGĐ ngày 04/12/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/QĐST-HNGĐ ngày 20/12/2024 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị **Lường Thị Thu K**; sinh năm 1990.

Trú tại: Tổ A, phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn.

Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

*** Bị đơn:** Anh **Hà Cát S**; sinh năm 1986;

Trú tại: Tổ A, phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn.

Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

*** Những người làm chứng:**

1/ Chị **Lý Thị N**; sinh năm 1983; địa chỉ: Tổ A, phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn.

2/ Bà **Dương Thị V**; sinh năm 1952; địa chỉ: Tổ A, phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn.

3/ Chị **Phạm Thị N1**; sinh năm 1981; địa chỉ: Tổ G, phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn.

Những người làm chứng đều vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn - chị Lương Thị Thu K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Hà Cát S trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện B, tỉnh Bắc Kạn vào ngày 09/3/2012. Sau khi kết hôn, thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Nhưng đến đầu năm 2021 thì vợ chồng chị bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn và ngày càng căng thẳng do hai bên không hợp nhau cả về tư tưởng cũng như cách sống. Tình trạng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không hòa hợp. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2021 cho tới nay. Trong thời gian ly thân, vợ chồng không còn quan tâm, liên lạc với nhau và không thể hàn gắn được nữa.

Nay chị K xác định tình cảm vợ chồng đã không còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hà Cát S.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 (Một) con chung là Hà Huy H, sinh ngày 05/6/2014. Con chung khỏe mạnh và phát triển bình thường, hiện đang sống cùng chị tại khu tập thể của UBND xã N, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn.

Khi ly hôn, chị K có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Hà Huy H, sinh ngày 05/6/2014 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị K không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con và không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị K xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung: Chị K xác định vợ chồng không có vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn là anh Hà Cát S: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành gửi Thông báo thụ lý vụ án đến nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của anh Hà Cát S, tuy nhiên hết thời hạn đưa ra ý kiến theo Thông báo thụ lý nhưng không thấy anh S có ý kiến bằng văn bản nêu quan điểm của mình đối với yêu cầu ly hôn của chị K. Tòa án cũng đã gửi Giấy triệu tập, yêu cầu anh S đến Tòa án làm việc, tuy nhiên anh S không có mặt tại Tòa án để làm việc theo thời gian ghi trong Giấy triệu tập. Vì vậy Tòa án đã tiến hành làm việc với Tổ trưởng tổ A, phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn thì được cung cấp thông tin như sau: Anh Hà Cát S có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ A, phường S, thành phố B. Anh S hiện đang làm việc tại Công ty cổ phần C và thường xuyên có mặt tại nơi cư trú. Tuy nhiên, khi cán bộ Tòa án đến nhà riêng của anh S để thực hiện việc cấp, tổng đạt thông báo, văn bản tố tụng của Tòa án cho anh S thì đều không gặp. Do vậy, Tòa án không thể thực hiện được việc cấp, tổng đạt thông báo, văn bản tố tụng của Tòa án cho anh S. Tòa án đã lập biên bản xác minh và tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú của anh S theo quy định. Quá

trình giải quyết vụ án, anh S không đến Tòa án làm việc, không có mặt tại phiên tòa nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh S.

Tòa án đã gặp Tổ trưởng, Chi hội trưởng Chi hội phụ nữ tổ A, phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn để xác minh tình trạng hôn nhân của chị Lương Thị Thu K và anh Hà Cát S. Qua trao đổi, Tòa án được cung cấp thông tin như sau: Chị Lương Thị Thu K và anh Hà Cát S có đăng ký hộ khẩu thường trú và là công dân sinh sống tại A, phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn. Tuy nhiên, do vợ chồng có mâu thuẫn nên chị K và anh S đã ly thân từ năm 2021. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh S ghen tuông và có lời lẽ xúc phạm chị K. Tuy nhiên, việc mâu thuẫn vợ chồng thì anh chị đều không đề nghị Tổ hoà giải của Tổ phố tiến hành hoà giải, hàn gắn tình cảm.

Qua lấy lời khai của một số người làm chứng là họ hàng bên chồng và bạn thân của chị K thì họ đều cho biết: Sau khi kết hôn thời gian đầu thì cuộc sống vợ chồng S – Kiệm hòa thuận, hạnh phúc. Nhưng đến đầu năm 2021 thì vợ chồng S – Kiệm bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn và cuộc sống vợ chồng ngày càng căng thẳng. Từ cuối năm 2021 thì anh S và chị K đã sống ly thân với nhau. Chị K cùng con trai Hà Huy H đi thuê nhà ở gần trường học nơi chị K công tác. Từ khi ly thân đến nay, anh S và chị K không còn quan tâm, liên lạc với nhau, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và không thể hàn gắn được nữa.

Quá trình làm việc tại Tòa án, cháu Hà Huy H có nguyện vọng được sống với mẹ là chị Lương Thị Thu K.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn phát biểu quan điểm về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa trong quá trình tố tụng, xây dựng hồ sơ và tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã đảm bảo đúng quy định. Bị đơn mặc dù đã được Tòa án gửi và niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình Tòa án mở phiên tòa để xét xử, nguyên đơn vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 theo đúng quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do; những người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy đề nghị HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 229; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Lương Thị Thu K, xử cho chị Lương Thị Thu K được ly hôn với anh Hà Cát S.

Về con chung: Đề nghị HĐXX giao con Hà Huy H, sinh ngày 05/6/2014 cho chị Lương Thị Thu K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lương Thị Thu K không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị HĐXX không xem xét.

Về tài sản chung: Chị K xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét.

Về nợ chung: Chị K xác định vợ chồng không có vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn chị Lương Thị Thu K phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án “Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn”, bị đơn anh Hà Cát S có địa chỉ cư trú tại tổ A, phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

Quá trình giải quyết vụ án, chị K đã có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án là phù hợp theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 208 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn mặc dù đã được Tòa án thực hiện việc niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình Tòa án mở phiên tòa để xét xử mặc dù bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ 2 theo đúng quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn và những người làm chứng đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, do vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 229; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị Thu K và anh Hà Cát S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện B, tỉnh Bắc Kạn vào ngày 09/3/2012 nên xác định hôn nhân của chị K và anh S là hợp pháp.

Quá trình chung sống giữa hai vợ chồng thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc nhưng về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp tính tình, bất đồng trong sinh hoạt hàng ngày, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Vợ chồng anh chị đã ly thân từ tháng 7 năm 2021 cho tới nay. Trong thời gian ly thân, vợ chồng không còn quan tâm, liên lạc với nhau và không thể hàn gắn được nữa.

Qua lời khai của những người làm chứng và qua xác minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân của chị K và anh S, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị K và anh S là thực tế và đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Bản thân anh S mặc dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu

cầu ly hôn của chị K đồng thời cũng không có động thái gì để hoà giải mâu thuẫn vợ chồng. Còn chị K có đơn đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải. Qua đó thể hiện cả hai không còn mong muốn được hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do vậy việc chị K xin ly hôn với anh S là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Lương Thị Thu K và anh Hà Cát S có 01 (Một) con chung là Hà Huy H, sinh ngày 05/6/2014. Hiện nay con Hà Huy H khỏe mạnh và phát triển bình thường. Khi ly hôn, chị K có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Hà Huy H cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Hội đồng xét xử xét thấy anh S vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh S về vấn đề nuôi con chung. Bản thân chị K hiện đang công tác tại trường Tiểu học và THCS N2, có công việc làm và thu nhập ổn định, có điều kiện kinh tế, chỗ ở hợp lý, đảm bảo cho việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Mặt khác con chung cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng mẹ. Do vậy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con cũng như không làm xáo trộn cuộc sống và tâm lý của con chung thì việc giao con chung cho chị K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp nên được HĐXX chấp nhận.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị K không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị K xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị K xác định vợ chồng không có vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[7] Về án phí: Nguyên đơn chị Lương Thị Thu K phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 227, 228, 229, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. **Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn Lương Thị Thu K. Chị Lương Thị Thu K được ly hôn với anh Hà Cát S.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung là Hà Huy H, sinh ngày 05/6/2014, con chung khỏe mạnh và phát triển bình thường cho chị Lương Thị Thu K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lương Thị Thu K không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xem xét.

Sau khi ly hôn, anh Hà Cát S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản chung: Chị Lương Thị Thu K không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

5. Về vay nợ chung: Chị Lương Thị Thu K không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

6. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn Lương Thị Thu K phải chịu 300.000^d (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000^d (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí chị K đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000620 ngày 14/10/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn. Chị Lương Thị Thu K đã nộp đủ tiền án phí.

7. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND TP Bắc Kạn;
- Chi cục THADS TP Bắc Kạn;
- UBND xã Dương Phong, H. Bạch Thông, t. Bắc Kạn (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu VT.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Nguyệt Thu

.